

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU  
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/DS-ST  
Ngày: 14-7-2020  
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DƯƠNG MINH CHÂU, TỈNH TÂY NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lê Thị Thơ.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Bùi Thị Hải Đường;
2. Ông Trần Hữu Thiện.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Quỳnh Như, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Phượng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 207/2020/TLST-DS ngày 13 tháng 5 năm 2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 241 đường 793, ấp H, xã T, thành phố N, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Hoài T, sinh năm 1965; địa chỉ: Số 158, tổ 1, ấp A, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. (có mặt)

3. Người làm chứng:

3.1. Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1996; (có mặt)

3.2. Anh Trần Bình Tr, sinh năm 1994; (có đơn xin vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số 241 đường 793 ấp H, xã T, thành phố N, tỉnh Tây Ninh.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện ngày 12/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Nguyễn Thị L trình bày:*

Bà và ông T không có quan hệ bà con gì chỉ quen biết do ông T có rẫy cao

su gần cửa hàng phân bón Bình Tr do bà làm chủ. Ông T mua phân bón tại cửa hàng của bà qua hình thức gọi điện đến cửa hàng, bà giao hàng đến rẫy theo yêu cầu đặt hàng của ông T và khoảng 3-4 ngày sau ông T đến cửa hàng thanh toán tiền. Ông T bắt đầu mua hàng tại cửa hàng bà với hình thức trên từ năm 2015. Mỗi lần thanh toán tiền ông T yêu cầu bà đưa sổ và viết phiếu thu xong bà gạch sổ thì ông T mới trả tiền, ông T rất cẩn thận và còn nói rằng trước đây mua hàng ở cửa hàng khác ông trả tiền rồi nhưng lại nói chưa trả nên ông giờ ông phải cẩn thận rõ ràng.

Đến tháng 9/2018 ông T mua phân bón tại cửa hàng của bà cụ thể gồm các loại phân lân, kali, urê và sữa vào các ngày 13/9/2018, 17/9/2018, 18/9/2018, 20/9/2018 và 21/9/2018 âm lịch để bón cao su tổng cộng số tiền 7.890.000 đồng. Khi giao hàng bà có ghi vào sổ theo dõi mua hàng tên loại hàng, số lượng và đơn giá thành tiền để theo dõi. Sau đó ông T có điện thoại báo là đợt mua phân bón này ông T sẽ chậm thanh toán. Đến tháng 5/2019 là đợt bón phân cao su, ông T không mua phân bón nữa nên bà có điện thoại hỏi thì ông T nói cao su còn tốt nên không cần bón phân, bà nhắc về tiền nợ từ tháng 9/2018 thì ông T nói đã trả tiền rồi. Bà xác định ông T chưa thanh toán cho bà số tiền nợ mua phân bón là 7.890.000 đồng, nay bà yêu cầu ông T có trách nhiệm trả cho bà số tiền 7.890.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 21/9/2018 âm lịch tức ngày 19/10/2019 dương lịch cho đến nay, với mức lãi suất theo quy định pháp luật.

*Bị đơn, ông Đinh Hoài T trình bày:* Ông thừa nhận ông mua bán phân bón của cửa hàng bà L để bón phân cao su từ khoảng 4-5 năm. Hình thức mua bán là ông điện thoại đặt hàng; mỗi đợt bón phân từ 4-5 ngày thì ngày đầu tiên mua hàng ông đến trực tiếp cửa hàng để hỏi về giá từng món hàng ông mua, sau khi hai bên thống nhất thì cửa hàng bà L giao hàng đến rẫy của ông. Bắt đầu kể từ ngày thứ hai ông điện thoại đặt hàng chứ không đến trực tiếp nữa, sau khi bón phân xong ông đến cửa hàng bà L để thanh toán tiền. Lần đầu tiên khi đến mua hàng ông có nói rõ với bà L ông không nợ tiền lâu nên bà L ghi sổ theo dõi như thế nào thì ghi nhưng khi ông trả tiền thì phải gạch sổ rõ ràng. Ông thừa nhận ông có mua phân bón của cửa hàng bà L để bón cao su vào tháng 9/2018 với số tiền hơn 7.000.000 đồng, tuy nhiên ông đã thanh toán xong, ông trực tiếp trả tiền cho con dâu bà L là chị Nguyễn Thị Thanh H, có sự chứng kiến của bà L và con trai bà L là anh Trần Bình Tr. Đến tháng 7/2019 bà L có điện thoại đòi tiền ông, ông xác định đã trả tiền cho bà L xong nhưng bà L còn tiếp tục đòi nên ông không mua phân bón tại cửa hàng bà L nữa mà mua ở cửa hàng phân bón Thành Phương. Nay ông không đồng ý trả cho bà L số tiền 7.890.000 đồng.

*Người làm chứng – anh Trần Bình Tr trình bày:* Anh là con ruột của bà Nguyễn Thị L, chị H là vợ anh. Ông T nói trả tiền cho anh là không đúng, anh không biết ông T là ai. Anh chỉ phụ gia đình giao hàng khi không có người giao hàng thuê, việc thu chi ghi sổ sách do cha mẹ anh trực tiếp quản lý.

*Người làm chứng – chị Nguyễn Thị Thanh H trình bày:* Chị là con dâu của bà Nguyễn Thị L, là vợ của anh Trần Bình Tr. Chị không nhận tiền và đếm tiền như ông T trình bày. Do tại thời điểm ông T cho rằng mua phân bón và đã thanh

toán tiền thì chị đang mang thai sắp đến ngày sinh, cửa hàng phân bón nhiều hóa chất độc hại nên chị không có mặt tại cửa hàng phân bón vì vậy ông T trình bày trả tiền cho anh Tr – chồng chị và chị có đếm tiền là không đúng.

*Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện Dương Minh Châu:*

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự; đương sự thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông T trả cho bà L số tiền 7.890.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật. Về án phí: Ông T phải chịu theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:**

*Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:*

[1] Về tố tụng: Bà L khởi kiện ông T yêu cầu trả tiền mà ông T còn nợ khi mua phân bón của cửa hàng bà L, xác định đây là tranh chấp hợp đồng dân sự là hợp đồng mua bán theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn – ông T có nơi cư trú tại ấp A, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện D theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về thời hiệu khởi kiện, căn cứ Điều 429 của Bộ luật dân sự thời hiệu khởi kiện hợp đồng dân sự là 03 năm, ngày cuối cùng ông T mua phân bón của cửa hàng bà L là ngày 19-10-2018, đến ngày 12/5/2020 bà L nộp đơn khởi kiện đến Tòa án nên xác định chưa hết thời hiệu khởi kiện.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Bà L khởi kiện yêu cầu ông T trả số tiền mua phân bón còn nợ là 7.890.000 đồng. Quá trình giải quyết, bà L cung cấp sổ bán hàng, có ghi cụ thể ngày mua phân bón, loại phân bón, thành tiền với tổng số tiền là 7.890.000 đồng. Ông T thừa nhận có mua phân bón của cửa hàng bà L để bón phân cao su đợt tháng 9/2018 vào các ngày 13/9/2018, 17/9/2018, 18/9/2018, 20/9/2018 và 21/9/2018 âm lịch với số tiền hơn 7.000.000 đồng, với loại phân bón như bà L trình bày tuy nhiên ông xác định đã trả tiền cho bà L xong. Ông cho rằng ông không xác nhận nợ, không có chữ ký đối chiếu hai bên. Xét lời trình bày của ông T thấy rằng, mặc dù ông T không ký nhận nhưng ông thừa nhận có mua phân bón của cửa hàng bà L vào tháng 9/2018, số lượng và loại phân bón, ngày mua phù hợp với sổ ghi nợ bà L cung cấp, đây là tình tiết sự kiện không phải chứng minh được quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự, do đó có căn cứ xác định việc mua bán phân bón của bà L và ông T là có thật. Ông T cho rằng đã trả tiền xong cho bà L vào ngày 21/9/2018, bà L không thừa nhận; ông T không cung cấp được chứng cứ chứng minh cho việc thanh toán tiền cho bà L, tại Biên bản lấy lời khai ngày 26/5/2020 ông xác định “khi đến thanh toán thì bà L ở trong quầy tính toán cộng

sổ báo số tiền thì tôi trả”, tại phiên hòa giải ngày 29/5/2020 ông xác định ông trả tiền trực tiếp cho anh Trần Bình Tr (con bà L), có con dâu bà L là chị Nguyễn Thị Thanh H cùng đếm tiền với anh Tr và bà Nguyễn Thị L chứng kiến; Tòa án tiến hành đối chất, chị H, anh Tr không thừa nhận, xác định không nhận tiền thanh toán của ông T. Do đó, lời trình bày của ông T là không có căn cứ.

[3] Xét yêu cầu tính lãi: Giữa bà L và ông T không thỏa thuận về việc trả lãi, do đó mức lãi suất chậm thanh toán căn cứ theo quy định tại Điều 440, 357, 468 của Bộ luật dân sự, theo đó mức lãi suất được xác định là 0,83%/tháng, cụ thể tiền lãi chậm thanh toán là:  $7.890.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/tháng \times 20 \text{ tháng} = 1.364.300 \text{ đồng}$ .

Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ và đúng quy định pháp luật, buộc ông T trả cho bà L số tiền 9.254.300 đồng, trong đó tiền nợ gốc là 7.890.000 đồng và tiền lãi là 1.364.300 đồng.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm khi toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, cụ thể: Ông T phải chịu:  $9.254.300 \text{ đồng} \times 5\% = 462.715 \text{ đồng}$ .

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 357, 429, 430, 440, 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11-01-2019; Khoản 2, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị bà Nguyễn Thị L đối với ông Đinh Hoài T.

Buộc ông Đinh Hoài T có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền: 9.254.300 (chín triệu hai trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm) đồng, trong đó tiền nợ gốc là 7.890.000 đồng và tiền lãi là 1.364.300 đồng.

2. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông T phải chịu 462.715 đồng (*bốn trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm mười lăm*) đồng.

Bà L không phải chịu án phí. Chi cục Thi hành án Dân sự Huyện Dương Minh Châu, tỉnh Tây Ninh hoàn trả cho bà L 300.000 (*ba trăm nghìn*.) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004496 ngày 12/5/2020

4. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Các đương sự được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND Huyện DMC;
- THA Huyện DMC;
- Các đương sự;
- Lưu: Tập án, hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**  
**(Đã ký)**

**Lê Thị Thơ**